

BÀI 3: CON ĐƯỜNG LÀNG (tiết 11 – 14, SHS, tr.18 – 20)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn về con đường quen thuộc với em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Vào mỗi buổi trong ngày, con đường làng đều có vẻ đẹp riêng. Ai đi xa cũng nhớ về con đường mình luôn gắn bó; biết liên hệ bản thân: Yêu quý và giữ gìn vẻ đẹp của con đường thân quen*; hoàn thành được các câu nói về con đường em mơ ước.

3. Viết đúng chữ *R* hoa và câu ứng dụng.

4. Nhận diện và sử dụng được từ ngữ chỉ sự vật (cây cối), dấu phẩy.

5. Bước đầu có thể đóng vai hướng dẫn viên và giới thiệu về con đường nơi mình ở.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Bảng phụ ghi 2 khổ thơ đầu.

– Mẫu chữ viết hoa *R*.

– Thẻ từ để HS ghi các từ ngữ ở BT 3.

– HS mang tới lớp ảnh con đường nơi em ở/ con đường quen thuộc với em (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về con đường quen thuộc với em: tên con đường, cảnh đẹp của con đường,...

- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Con đường làng*.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: cảnh vật được nhắc đến, vẻ đẹp của cảnh vật,...

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng đọc chậm rãi, thiết tha).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *rop*, *lững thững*, *lững lờ*,...; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi sau các dòng thơ, khổ thơ.
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài thơ trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *mơ màng* (thấy phẳng phât, không rõ ràng, trong trạng thái mơ ngủ hay tựa như mơ ngủ), *lững lờ* (rất tròn, đẹp), *vất vèo* (ở trên cao nhưng không có chỗ dựa vững chắc), *rop* (có nhiều bóng mát), *thiết tha* (có tình cảm thấm thiết làm cho gắn bó hết lòng, luôn luôn nghĩ đến, quan tâm đến),...

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. (GV có thể giải thích thêm: *bắt vần/ hiệp vần*: làm cho câu thơ có vần với nhau).

– HS nêu nội dung bài đọc: *Vào mỗi buổi trong ngày, con đường làng đều có vẻ đẹp riêng. Ai đi xa cũng nhớ về con đường mình luôn gắn bó.*

– HS liên hệ bản thân: *Yêu quý và giữ gìn vẻ đẹp của con đường thân quen.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại 2 khổ thơ đầu.

– HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp 2 khổ thơ đầu.

– HS luyện đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích theo cách GV hướng dẫn (PP xoá dần).

– HS luyện đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trong nhóm đôi.

– Một vài HS thi đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động *Cùng sáng tạo – Con đường mong ước*.

– HS xác định yêu cầu BT – hoàn thành các câu gợi ý thể hiện mong ước của mình (Lưu ý: khích lệ HS nêu suy nghĩ, mong muốn của bản thân, không gò ép; HS có thể nói theo tưởng tượng của mình, GV chỉnh sửa, khích lệ những tưởng tượng độc đáo).

– HS trao đổi trong nhóm, thực hiện BT.

– HS nghe một vài HS trình bày trước lớp và nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ R hoa

– HS quan sát mẫu chữ R hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ R hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ R hoa.

– HS viết chữ R hoa vào bảng con.

– HS tô và viết chữ R hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết câu ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Rừng vàng biển bạc*.

– HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ R hoa và cách nối từ chữ R hoa sang chữ u.

– HS quan sát cách GV viết chữ *Rừng*.

– HS viết chữ *Rừng* và câu ứng dụng *Rừng vàng biển bạc* vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao:

Ruộng vườn mặc sức chim bay

Biển hồ lai láng, cá bầy đua bơi.

Ca dao

– HS viết chữ R hoa, chữ *Ruộng* và câu ca dao vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

3. Luyện từ

– HS xác định yêu cầu của BT 3a, đọc đoạn thơ.

– HS thảo luận nhóm, tìm từ ngữ chỉ cây cối có trong đoạn thơ.

– HS chia sẻ kết quả trước lớp.

- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 3b.
- HS tìm từ ngữ chỉ cây cối trong nhóm 4 bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*, mỗi HS tìm 2 từ ngữ. Thống nhất kết quả trong nhóm.
- Một số nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4, đọc đoạn văn.
- HS thảo luận nhóm nhỏ, trả lời các câu hỏi a, b, c.
- Một số nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đóng vai hướng dẫn viên, giới thiệu về con đường nơi em ở theo gợi ý: tên, cảnh vật, hoạt động,...*
- HS nghe GV hướng dẫn những nội dung có thể giới thiệu:
 - + Tên con đường.
 - + Cảnh vật, hoạt động trên đường và hai bên đường.
 - + ...
- Nếu còn thời gian, GV có thể tổ chức cho HS thực hiện hoạt động theo nhóm nhỏ ở lớp trước khi trao đổi với người thân ở nhà.
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.